TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:1199/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-8-2024
V/v " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Hóa
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Chính
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phượng Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 836/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 499/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ú, sinh năm 1977- Vắng mặt
Địa chỉ: B ấp T (nay là ấp C), xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.
Bị đơn: Ông Mai Hoàng T, sinh năm 1966- Vắng mặt
Địa chỉ: I ấp G, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 6 năm 2024, bản tự khai ngày 01/8/2024, biên bản hòa giải (con chung, tài sản chung) ngày 02/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Trần Thị Ú trình bày:

Bà Trần Thị Ú và ông Mai Hoàng T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2007, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, về sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 4/2024 cho đến nay. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà Ú khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Trần Thị Ú được ly hôn với ông Mai Hoàng T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 trẻ tên là Mai Thanh T1 (sinh ngày 09/09/2009) và Mai Thanh T2 (sinh ngày 11/12/2012), hiện các con đang sống chung với ông Mai Hoàng T. Bà Ú yêu cầu giao hai con chung cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Ú không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Thời gian chung sống, bà Ú và ông T có tạo lập được tài sản chung là nhà và đất tại địa chỉ B ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 728652 số vào sổ: CH 00648 ngày 07/06/2011). Theo đơn khởi kiện, bà Ú yêu cầu chia đôi tài sản chung này. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên đã tự thỏa thuận giải quyết nên vào ngày 01/8/2024 bà Ú có nộp đơn xin rút lại một phần yêu cầu khơi kiện, rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung. Đồng thời, bà Ú xác định lại yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản chung do hai bên tự thỏa thuận, không có yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Ú xác nhận không có.

Do bận công việc nên bà Trần Thị Ú có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 21/7/2024, biên bản hòa giải (con chung, tài sản chung) ngày 02/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án – bị đơn ông Mai Hoàng T trình bày:

Ông Mai Hoàng T xác nhận về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống, con cái, tài sản chung, nợ chung như bà Ú trình bày. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cải vã nhau. Ông T xác nhận vợ chồng chung sống từ năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay bà Ú khởi kiện xin ly hôn, ông T đồng ý.

Về con chung: Có 02 trẻ tên là Mai Thanh T1 (sinh ngày 09/09/2009) và Mai Thanh T2 (sinh ngày 11/12/2012), hiện các con đang sống chung ổn định với ông Mai Hoàng T. Ông T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông T xác nhận không có.

Do bận công việc nên ông Mai Hoàng T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Trần Thị Ú ly hôn với ông Mai Hoàng T (không công nhận quan hệ vợ chồng), đồng thời giải quyết về quyền nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn là ông Mai Hoàng T hiện đang cư trú tại địa bàn huyện H nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn có thẩm quyền giải quyết.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Theo trình bày của nguyên và xác nhận của bị đơn, bà Trần Thị Ú và ông Mai Hoàng T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 166/UBND-XNTTHN ngày 01/8/2024 (do nguyên đơn cung cấp), Ủy ban nhân dân phường L, quận Ô, Thành phố

Cần Thơ xác nhận: Trong thời gian cư trú tại phường L, quận Ô, Thành phố Cần Thơ từ ngày 01/01/2008 đến ngày 07/05/2013, bà Trần Thị Ú chưa đăng ký kết hôn với ai.

Theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 730/UBND-XNTTHN ngày 02/8/2024 (do nguyên đơn cung cấp), Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: Bà Trần Thị Ú hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: " Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình".

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý". Vì vậy, quan hệ giữa bà Trần Thị Ú và ông Mai Hoàng T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Từ những viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên chấp nhận, không công nhận bà Trần Thị Ú và ông Mai Hoàng T là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Trần Thị Ú và ông Mai Hoàng T có 02 người con chung tên là Mai Thanh T1 (sinh ngày 09/09/2009) và Mai Thanh T2 (sinh ngày 11/12/2012). Hiện các con đang sống chung ổn định với ông Mai Hoàng T và đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha Mai Hoàng T. Bà Ú và ông T thỏa thuận giao cả hai con chung cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của trẻ nên chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ú có đơn tự nguyện xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn. Bà Ú và ông T xác định tự thỏa thuận giải quyết phần tài sản chung, không có yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về nợ chung: Ông T, bà Ú xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ú chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được tính cấn trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí do bà Ú đã nộp theo biên lai thu số 0004754 ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn; Do bà Ú rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung nên bà Ú được hoàn trả lại 56.000.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004755 ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 16, 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Ú và ông Mai Hoàng T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Mai Thanh T1 (sinh ngày 09/09/2009) và Mai Thanh T2 (sinh ngày 11/12/2012) cho ông Mai Hoàng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên. Ghi nhận việc ông Mai Hoàng T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Toà án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông T và bà Út tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà Trần Thị Ú .

- Về nợ chung: Ông T và bà Ú xác nhận không có.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Ú chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn, được tính cấn trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí do bà Ú đã nộp theo biên lai thu số 0004754 ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Ú số tiền 56.000.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do bà Ú đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004755 ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Trọng Hóa